TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/3/2020.
"V/v: Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Khóa
2. Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16B/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh ngày 20/01/1984.

Địa chỉ cư trú: Khu dân cư T, phường V, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Dương Thị Thanh M, sinh ngày 30/12/1986.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư T, phường V, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản.

Các đương sự đều vắng mặt; anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 04/11/2010 đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được

một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống và cách làm kinh tế. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh đi lao động ở Đài Loan, chị M đi lao động ở Nhật Bản. Thời gian đó vợ chồng vẫn liên lạc nhưng chị M thường xuyên ghen tuông vô cớ nên vợ chồng hay xảy ra tranh cãi. Sau đó anh về Việt Nam làm việc còn chị M hiện cư trú bất hợp pháp ở Nhật Bản. Anh đã khuyên chị M về Việt Nam đoàn tụ để cùng chăm sóc con chung nhưng chị M không đồng ý. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị M cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Quang D sinh ngày 04/9/2012, hiện đang ở với anh T. Khi ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh T trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị M tại Nhật Bản nên không thể cung cấp cho Tòa án. Chị M vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Dương Văn B, bà Bùi Thị C và chị Dương Thị H (chị gái là chị M) ở Khu dân cư Đ phường A, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ thân nhân của chị M là ông B, bà C và chị H và xác minh tại chính quyền địa phương.

Tại các biên bản lấy lời khai, ông Dương Văn B, bà Bùi Thị C và chị Dương Thị H trình bày:

Ông B, bà C là bố mẹ đẻ, còn chị H là chị ruột của chị Dương Thị Thanh M, anh Lê Văn T là chồng chị M. Hiện nay chị M đang lao động ở Nhật Bản theo hợp đồng 05 năm từ 2016-2021. Gia đình có biết việc anh T và chị M mâu thuẫn do chị M thường xuyên liên lạc với gia đình. Quan điểm của chị M là mâu thuẫn vợ chồng do anh T có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, chị M đã cố gắng hòa giải nhưng anh T có thái độ ruồng rẫy, do đó vợ chồng ít liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay nếu anh T cương quyết ly hôn thì chị M cũng đồng ý. Về con chung thì vợ chồng T, M có 01 con chung như anh T trình bày là đúng. Chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và yêu cầu anh T cấp dưỡng 4.000.000đ/tháng tiền nuôi con. Chị M không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Gia đình đã hỏi địa chỉ cụ thể của chị M ở Nhật Bản nhưng chị M không cung cấp. Đề nghị Tòa án tống đạt các văn bản thông qua gia đình và gia đình đồng ý nhận thay để thông báo cho chị M. Gia đình đề nghị Tòa án kéo dài thời gian để chị M về Việt Nam giải quyết. Nếu theo quy định mà vẫn phải giải quyết thì đề nghị anh T bồi thường phẩm giá và tuổi thanh xuân cho chị M vì lỗi dẫn đến ly hôn là do anh T.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt, anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 476 BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử mới giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Anh Lê Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Dương Thị Thanh M. Chị M là người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Anh T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú trước khi xuất cảnh của chị M ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của chị M tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng gia đình chị M cung cấp không biết địa chỉ của chị M tại Nhật Bản. Tuy nhiên, gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với chị M nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị M. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh T vắng mặt, đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị M mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng qua thân nhân và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/11/2010 tại UBND phường V, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Hải Dương, nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì anh T đi lao động ở Đài Loan còn chị M đi lao động ở Nhật Bản. Sau đó anh T về Việt Nam, còn chị M tiếp tục đi Nhật Bản. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về hướng phát triển kinh tế và không hiểu và không tin tưởng nhau về tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy anh T và chị M ly thân đã lâu, mỗi người ở một quốc gia khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Gia đình chị M yêu cầu kéo dài thời gian đợi chị M về giải quyết nhưng không xác định khi nào chị M về. Do đó cần chấp nhận cho anh T được ly hôn chị M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Quang D sinh ngày 04/9/2012. Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị được nuôi con chung. Xét đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng của các đương sự. Tuy nhiên, hiện nay cháu D đang ở ổn định với anh T, chị M ở Nhật Bản không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; anh T hiện đang ở Việt Nam, có đủ điều kiện để nuôi con. Tại lời khai của con chung có nguyện vọng được ở với bố, tại lời khai khác lại có nguyện vọng ở với ông bà ngoại và mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh T tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh T nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên không xét. Chị M không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu chị M có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Đối với việc gia đình chị M trình bày chị M yêu cầu anh T bồi thường phẩm giá và tuổi thanh xuân thì HĐXX xét thấy: Chị M không có văn bản gửi Tòa án yêu cầu về việc này, đồng thời pháp luật Việt Nam hiện hành cũng không có quy định về việc bồi thường phẩm giá và tuổi thanh xuân khi ly hôn nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, anh T có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 228, Điều 235, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn T được ly hôn chị Dương Thị Thanh M.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Quang D sinh ngày 04/9/2012 cho anh Lê Văn T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn T không yêu cầu chị Dương Thị Thanh M cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng anh T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2017/0009650 ngày 09 tháng 12 năm 2019. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Chị Dương Thị Thanh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường V, L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Yến